

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày: 27/10/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phạm Sơn Điền.

2. Ông Lưu Văn Hoàng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Cheo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 11/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thanh H, sinh ngày 24/11/1994; Nơi sinh: T – An Giang; Nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh H1, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị Thanh H2, sinh năm 1971; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 15/7/2021 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Anh V, sinh ngày 24/04/1996; Nơi sinh: T – An Giang; Nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Anh T, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1963; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 05/8/2021 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Thị Kim N, sinh ngày 03/06/1994; Nơi sinh: T – An Giang; Nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm B, phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Anh T, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1963; Sống chung như vợ chồng với Lê Văn B, sinh năm 1992; Có 01 người con sinh ngày 08/08/2018.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Thi Hồng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang có mặt.

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn B; Bà Trần Thị Phương T; Bà Trần Thị Thu T2; Ông Nguyễn Hoàng N (N); Anh Phạm Thanh L; Bà Kha Kim P đều vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Kim D, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:*

Vào khoảng 09 giờ ngày 14/7/2021, bị cáo Ngô Thanh H đi bộ một mình tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo H phát hiện nhà bà Trần Thị V thuộc khu vực khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang không đóng cửa, không ai trông giữ. Bị cáo H đi vào bên trong phòng ngủ lấy trộm 01 chiếc lắc tay bằng vàng 18 kara, bỏ vào túi quần đang mặc. Lúc này, ông Nguyễn Văn B (chồng bà V) đang ở phía sau nhà đi đến phát hiện truy đuổi theo bị cáo H nhưng không bắt được. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo H mang chiếc lắc tay đến nhà bị cáo Phan Anh V thuộc khu vực khóm B, phường L, bị cáo H nhờ bị cáo V bán chiếc lắc tay giùm. Khi nhận chiếc lắc tay, bị cáo V biết đây là tài sản do bị cáo H lấy trộm mà có nhưng bị cáo V vẫn đồng ý nhận chiếc lắc tay đem bán, mục đích lấy một phần số tiền từ việc bán chiếc lắc tay này. Sau đó, bị cáo V đem chiếc lắc tay nhờ bị cáo Phan Thị Kim N (chị ruột V) bán giùm. Khi đưa chiếc lắc tay, bị cáo V nói với bị cáo N: “Của thằng bạn nhờ bán giùm, bà mang đi bán đi, nó cho tiền uống cà phê”. Lúc này, bị cáo N biết đây là tài sản do bạn của bị cáo V lấy trộm mà có nhưng bị cáo N vẫn đồng ý đem bán, nhằm mục đích chiếm đoạt một phần số tiền từ việc bán chiếc lắc tay. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 67D1- 819.83 đến tiệm vàng “T” tại Trung

tâm thương mại T, bán cho anh Thi Hồng T (chủ tiệm vàng) được số tiền 19.220.000 đồng. Bị cáo N lấy 14.020.000 đồng, đưa lại cho bị cáo V 5.200.000 đồng. Bị cáo V đưa cho bị cáo H 3.200.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo H lấy 200.000 đồng cho bị cáo N, do bị cáo N đi bán chiếc lắc tay giúp bị cáo H. Còn lại 3.000.000 đồng, bị cáo H đã tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết.

Ngày 15/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, khởi tố Ngô Thanh H về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đến ngày 04/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, khởi tố Phan Anh V và Phan Thị Kim N về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 05 (năm) miếng cẩm thạch màu xanh, dạng hình tròn (đã qua sử dụng).
- Tiền Việt Nam 18.390.000 đồng (bị cáo N khắc phục số tiền 11.120.000 đồng, bị cáo V khắc phục số tiền 2.000.000 đồng và anh T khắc phục số tiền 5.270.000 đồng).

Đã giao trả cho bị hại giai đoạn điều tra.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen xám, biển số 67D1-819.83 (đã qua sử dụng, đã giao trả cho Lê Văn B giai đoạn điều tra).

Kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐG.TTHS ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Tân Châu: 01 (một) chiếc lắc tay, kiểu đồng tiền, trọng lượng 0L792 vàng 18 Kara, trên lắc tay có đính kèm 05 (năm) hột đá cẩm thạch màu xanh lá, trị giá 24.552.000 đồng.

Bị hại bà Trần Thị V; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Thi Hồng T, anh Lê Văn B; Người làm chứng ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị Phương T, ông Nguyễn Hoàng N (N), bà Trần Thị Thu T, anh Phạm Thanh L, bà Kha Kim P, bà Huỳnh Thị Kim D trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Bị hại Trần Thị V đã nhận số tiền 18.390.000 đồng và 05 viên đá màu xanh, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 69/CT-VKSTC ngày 01 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu đã truy tố Ngô Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Phan Anh V, Phan Thị Kim N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Thi Hồng T và người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim D khai như ở giai đoạn điều tra.

Anh T tự nguyện giao nộp số tiền 5.270.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại V, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định bị cáo H có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của bà V và các bị cáo V, N biết tài sản trộm mà vẫn tiêu thụ. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm hại đến quyền sở hữu của bà V và gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, các bị cáo V, N không có sự bàn bạc, phân công vai trò. Trong đó, bị cáo V nhờ bị cáo N mang tài sản do bị cáo H lấy trộm mà có đi tiêu thụ, bị cáo N trực tiếp mang tài sản do bị cáo H lấy trộm mà có đi tiêu thụ với số tiền 19.220.000 đồng.

Các bị cáo H, bị cáo V có nhân thân xấu. Từ năm 2013 đến năm 2017, bị cáo H bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử 04 lần về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2015, bị cáo V bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2016, bị cáo V bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo V, N đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Ngô Thanh H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phan Anh V từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phan Thị Kim N: từ 09

(chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác và nên không đề cập xem xét.

Đối với Thi Hồng T đã mua chiếc lắc tay do Phan Thị Kim N bán. Nhưng khi mua T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý đối với T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng,*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Ngô Thanh H bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Châu khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” và các bị cáo Phan Anh V, Phan Thị Kim N bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã T khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” xảy ra tại khu vực khóm D, phường L, thị xã T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[4] Sự vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Văn B; Người làm chứng ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị Phương T, bà Trần Thị Thu T2, ông Nguyễn Hoàng N, anh Phạm Thanh L, bà Kha Kim P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho

việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

*Về nội dung,*

[1] Hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo H còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do cơ quan có thẩm quyền lập; Vật chứng thu giữ là 05 (năm) miếng cẩm thạch màu xanh, dạng hình tròn cùng lời khai của bà Trần Thị V về việc bị mất tài sản.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, do bị cáo H cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên khi phát hiện bị hại V sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo H đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại V là 01 (một) chiếc lắc tay, kiểu đồng tiền, trọng lượng 0L792 vàng 18 Kara, trên lắc tay có đính kèm 05 (năm) hột đá cẩm thạch màu xanh lá, trị giá 24.552.000 đồng (theo Kết luận định giá số 55/KL-HĐĐG.TTHS ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản).

Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà V là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc nhà bà V không đóng cửa, không ai trông giữ và sau khi lấy trộm mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ. Vì vậy, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo V mặc dù biết 01 (một) chiếc lắc tay, kiểu đồng tiền, trọng lượng 0L792 vàng 18 Kara, trên lắc tay có đính kèm 05 (năm) hột đá cẩm thạch màu xanh lá mà bị cáo H nhờ bán giùm là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo V vẫn đồng ý nhận chiếc lắc tay đem bán, mục đích lấy một phần số tiền từ việc bán chiếc lắc tay này. Sau đó, bị cáo V đem chiếc lắc tay nhờ bị cáo N bán giùm. Khi đưa chiếc lắc tay, bị cáo V nói với bị cáo N: “Của thằng bạn nhờ bán giùm, bà mang đi bán đi, nó cho tiền uống cà phê”. Lúc này, bị cáo N biết đây là tài sản do bạn của bị cáo V lấy trộm mà có nhưng bị cáo N vẫn đồng ý đem bán, nhằm mục đích chiếm đoạt một phần số tiền từ việc bán chiếc lắc tay. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 67D1- 819.83 đến tiệm vàng “T”, bán cho anh Thi Hồng T được số tiền 19.220.000 đồng. Bị cáo N lấy 14.020.000 đồng, đưa lại cho bị cáo V 5.200.000 đồng. Bị cáo V đưa cho bị cáo H 3.200.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo H lấy 200.000 đồng cho bị cáo N, do bị cáo N đi bán chiếc lắc tay giùm bị cáo H. Còn lại 3.000.000 đồng, bị cáo H đã tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết. Hành vi của các bị cáo V, N đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Các bị cáo V, N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo V, N vẫn mong muốn thực hiện thông qua sự thừa nhận của các bị cáo V, N tại phiên

tòa. Vì vậy, hành vi của các bị cáo V, N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo H đang ở tuổi lao động, đáng lẽ phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng; Các bị cáo V, N vì hám lợi, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[2] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo V, N đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[3] Về đồng phạm:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo V, N không có sự bàn bạc, cấu kết, phân công. Trong đó, bị cáo V nhờ bị cáo N mang tài sản do bị cáo H lấy trộm mà có đi tiêu thụ, bị cáo N trực tiếp mang tài sản do bị cáo H lấy trộm mà có đi tiêu thụ với số tiền 19.220.000 đồng. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Bị cáo H có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo V có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo H, bị cáo V có nhân thân xấu. Xét, phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội trong thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo N có 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; không có tiền án, tiền sự.

Xét, không cần thiết cách ly bị cáo N với bên ngoài xã hội, có thể để bị cáo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục. Cho bị cáo N hưởng án treo.

Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự hủy bỏ lệnh cấm khỏi nơi cư trú số: 10 ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đối với bị cáo N.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu khác nên không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án đã được giao trả cho bị hại, người liên quan giai đoạn điều tra và không có tranh chấp về tài sản bị mất trộm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo Ngô Thanh H, Phan Anh V và Phan Thị Kim N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố bị cáo Ngô Thanh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thanh H 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Ngô Thanh H được tính kể từ ngày 15/07/2021 (*mười lăm, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

*Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;*



Tuyên bố các bị cáo Phan Anh V và Phan Thị Kim N phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

Xử phạt: Bị cáo Phan Anh V 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Phan Anh V được tính kể từ ngày 05/08/2021 (*năm, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

*Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Kim N 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo N hưởng án treo;

Thời hạn thử thách của bị cáo N là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án 27/10/2021 (*ngày hai mươi bảy, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự hủy bỏ lệnh cấm khỏi nơi cư trú số: 10 ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đối với bị cáo N.

*Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Các bị cáo Ngô Thanh H, Phan Anh V và Phan Thị Kim N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo H, Vũ, Huyền và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại bà V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh B vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo N).

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX Tân Châu (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TX Tân Châu (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**